

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyển giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

3.1. Đánh giá theo phương pháp chấm điểm¹:

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 3.2 Mục 3 Chương này.

| | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt |
|----------|--|--|---------------------------------------|
| 1 | Đặc tính kỹ thuật của hàng hóa | | |
| 1.1 | Tính hợp lệ của hàng hóa dự thầu. | - Phải có bảng kê hàng hóa nêu rõ: Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu, thương hiệu tình trạng của thiết bị dự thầu phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V. - Có tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu tại mục E- CDNT 10.8 Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu. | Đạt |
| | | - Không có bảng kê (hoặc có bảng kê nhưng chưa nêu rõ và đầy đủ): Tên quốc gia sản xuất, tên hãng sản xuất, mã hiệu, thương hiệu của thiết bị phù hợp yêu cầu về kỹ thuật/chỉ dẫn kỹ thuật tại chương V. - Không có hoặc có tài liệu chứng minh nhưng không đáp ứng yêu cầu tại mục E-CDNT 10.8 Chương II Bảng dữ liệu đấu thầu. | Không đạt |
| 1.2 | Số lượng, chủng loại hàng hóa | - Số lượng, chủng loại hàng hóa cung cấp đáp ứng theo yêu cầu nêu tại phạm vi cung cấp Mẫu số 01A, chương IV E-HSMT. | Đạt |
| | | - Không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 1.3 | Yêu cầu về đặc tính kỹ thuật, tiêu chuẩn chất lượng của các chủng loại hàng hóa chính thuộc dự án mà nhà thầu chào thầu. | - Đáp ứng tất cả các tiêu chí kỹ thuật yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. - Thông số kỹ thuật trong Catalogue hãng sản xuất phải trùng khớp với thông số kỹ thuật đề xuất của nhà thầu. - Có cam kết cung cấp giấy chứng nhận C/O, phiếu xuất xưởng đối với hàng trong nước khi giao hàng. - Đối với các phần mềm phải có đầy đủ hồ sơ, tài liệu chứng minh bản quyền phần mềm và phần mềm cung cấp không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả đối với sản phẩm do mình cung cấp (nhà thầu phải có cam kết nội | Đạt |

| | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt |
|----------|--|--|---------------------------------------|
| | | dung này). | |
| | | - Không đáp ứng yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 1.4 | Yêu cầu về bảng tuyên bố đáp ứng yêu cầu kỹ thuật. | - Nhà thầu phải lập bảng tuyên bố đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và có tham chiếu thông số kỹ thuật trong catalogue của hàng hóa. | Đạt |
| | | - Nhà thầu không có lập bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật và không tham chiếu thông số kỹ thuật trong catalogue của hàng hóa hoặc có bảng tuyên bố nhưng không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật và không tham chiếu thông số kỹ thuật trong catalogue. | Không đạt |
| 1.5 | Cam kết về hàng hóa | - Nhà thầu cung cấp các tài liệu sau: + Có cam kết vật tư, vật liệu, thiết bị sử dụng mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, sản xuất năm 2024 trở lại đây. + Có bản cam kết thu hồi hàng bị lỗi, hàng hóa kém chất lượng không đáp ứng về thông số kỹ thuật hoặc bị hư hỏng trong quá trình nghiệm thu; + Có cam kết tuân thủ các bước kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có: Kiểm tra hàng hóa trước khi lắp đặt, kiểm tra công tác lắp đặt, kiểm tra trước khi nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng; | Đạt |
| | | - Không có cam kết hoặc cam kết không đầy đủ, đáp ứng các nội dung trên | Không đạt |
| 2 | Giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa, đào tạo hướng dẫn sử dụng. | | |
| 2.1 | Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa | - Nhà thầu trình bày đầy đủ giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp hàng hóa, lắp đặt, cài đặt, tích hợp với hệ thống hiện có đối với trang thiết bị phần mềm hệ điều hành được yêu cầu tại Chương V của E-HSMT. - Có biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt | Đạt |

| | | Nội dung đánh giá | Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt |
|--|--|---|---------------------------------------|
| | | <p>hàng hóa chi tiết kể từ khi bắt đầu thực hiện hợp đồng cho đến khi nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng theo thời gian thực hiện gói thầu do nhà thầu đề xuất.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có cam kết về việc đảm bảo cung cấp đầy đủ số lượng hàng hóa chào thầu theo tiến độ thực hiện của gói thầu. - Có trình bày chi tiết, khả thi nội dung về công tác vận hành, chạy thử hàng hóa sau khi lắp đặt. | |
| | | - Không đáp ứng một trong các yêu cầu trên | Không đạt |
| 2.2 | Cài đặt phần mềm | - Nhà thầu cam kết có phương án cài đặt phần mềm Microsoff Windows 11 Pro bản quyền vĩnh viễn tại địa điểm của Chủ đầu tư (các sở, ngành, UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh Tây Ninh) đảm bảo các phần mềm ứng dụng, phần mềm quản lý của đơn vị hoạt động bình thường. | Đạt |
| | | - Không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Không đạt |
| 3 | Tiến độ cung cấp, lắp đặt, cài đặt hàng hóa | | |
| | Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | - Có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa \leq 10 ngày hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT. | Đạt |
| | | - Có kế hoạch triển khai, tiến độ cấp hàng hoá, lắp đặt, cài đặt, tích hợp với hệ thống hiện có hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | |
| | | - Không có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa hoặc có Bảng tiến độ cung cấp hàng hóa $>$ 10 ngày hoặc \leq 10 ngày nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| - Không có kế hoạch triển khai, tiến độ cấp hàng hoá, lắp đặt, cài đặt, tích hợp với hệ thống hiện có hợp lý, khả thi, phù hợp và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT | | | |
| 5 | Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì | | |

| | Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt |
|----------|---|--|---------------------------------------|
| 4.1 | Thời gian bảo hành. | - Chế độ bảo hành: toàn bộ thiết bị, phần mềm hệ điều hành phải được cam kết bảo hành chính hãng theo đúng tiêu chuẩn đã yêu cầu tại chương V của E-HSMT và theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất. - Thời gian bảo hành \geq 12 tháng, kể từ ngày bản quyền phần mềm được kích hoạt trên thiết bị của Chủ đầu tư. | Đạt |
| | | - Nhà thầu không đáp ứng yêu cầu nêu trên. | Không đạt |
| 4.2 | Khắc phục sự cố, sửa chữa hư hỏng, sai sót | - Cam kết luôn có nhân sự tiếp nhận yêu cầu, hỗ trợ kỹ thuật qua điện thoại, email, fax... trong vòng 02 giờ kể từ khi có yêu cầu. - Trường hợp có các hư hỏng, sai sót hay sự cố xảy ra cần khắc phục trong thời gian bảo hành, nhà thầu phải có biện pháp khắc phục, sửa chữa đảm bảo không làm ảnh hưởng đến tiến độ công việc của Chủ đầu tư, tối đa không quá 24 giờ. | Đạt |
| | | - Nhà thầu không đáp ứng một trong những yêu cầu nêu trên | Không đạt |
| 5 | Uy tín của nhà thầu | | |
| | Thông tin về uy tín của nhà thầu trong việc tham dự thầu và kết quả thực hiện các hợp đồng tương tự trước đó từ năm 2022 trở lại đây. | * Nhà thầu có cam kết: - Không có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu. - Không có hợp đồng tương tự bị kết luận vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. * Đối với các nhà thầu vi phạm các điểm a), b), c), d), đ), e), g), h) và điểm i) tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP. Nhà thầu có tên trong danh sách này khi tham gia dự thầu phải thực hiện biện pháp đảm bảo dự thầu với giá trị gấp 3 lần giá trị bảo đảm dự thầu yêu cầu của E-HSMT trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối | Đạt |

| Nội dung đánh giá | | Sử dụng tiêu chí Đạt/Không đạt |
|-------------------|---|--------------------------------|
| | cùng thực hiện các hành vi. | |
| | - Có hợp đồng tương tự chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu. - Có hợp đồng tương tự bị kết luận vi phạm hợp đồng, bị chấm dứt hợp đồng do lỗi của nhà thầu. - Có bảo đảm dự thầu với giá trị thấp hơn 3 lần giá trị yêu cầu bảo đảm dự thầu của E-HSMT trong thời hạn 02 năm kể từ lần cuối cùng thực hiện các hành vi vi phạm điểm a), b), c), d), đ), e), g), h) và điểm i) tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP | Không đạt |
| 6 | Các yêu cầu khác | |
| Các yêu cầu khác | - Đáp ứng các yêu cầu khác tại quy định tại Mục 2 Chương V của E-HSMT | Đạt |
| | - Không đáp ứng yêu cầu trên. | Không đạt |
| Kết luận | Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi tất cả các tiêu chuẩn nêu trên được đánh giá là đạt. | ĐẠT |
| | Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn trên thì được đánh giá là không đạt. | KHÔNG ĐẠT |

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất²:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSDT (nếu có)

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.

- Không.

Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có)

- Không.